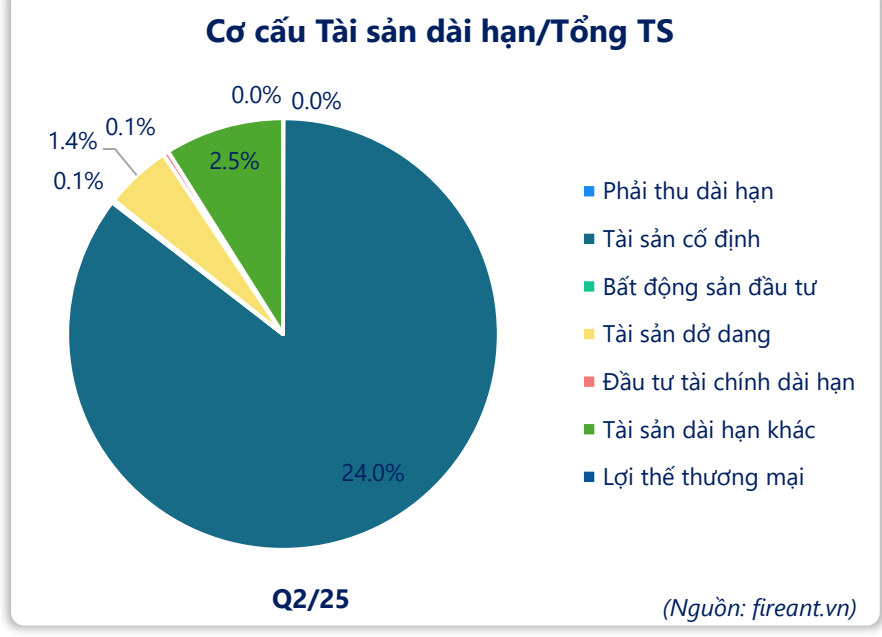
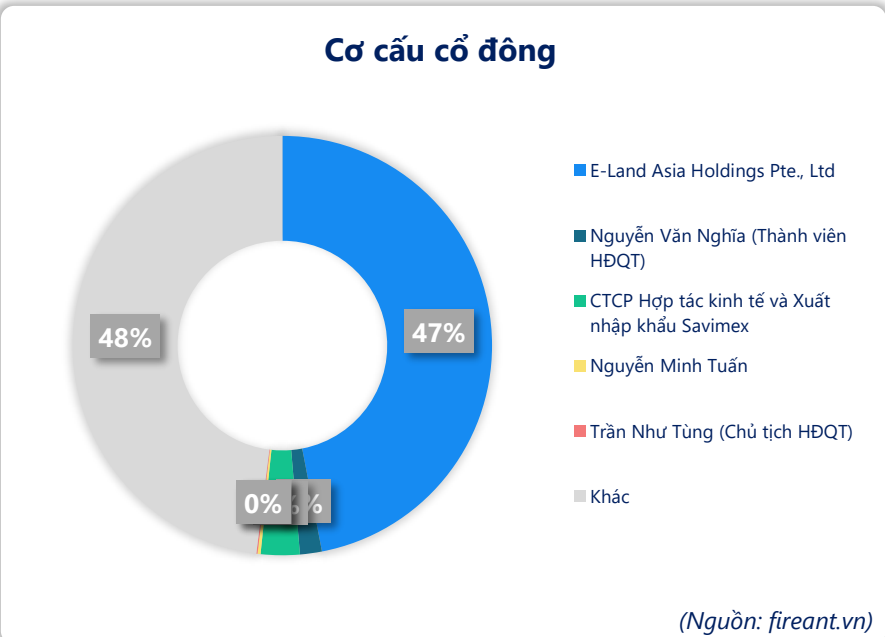
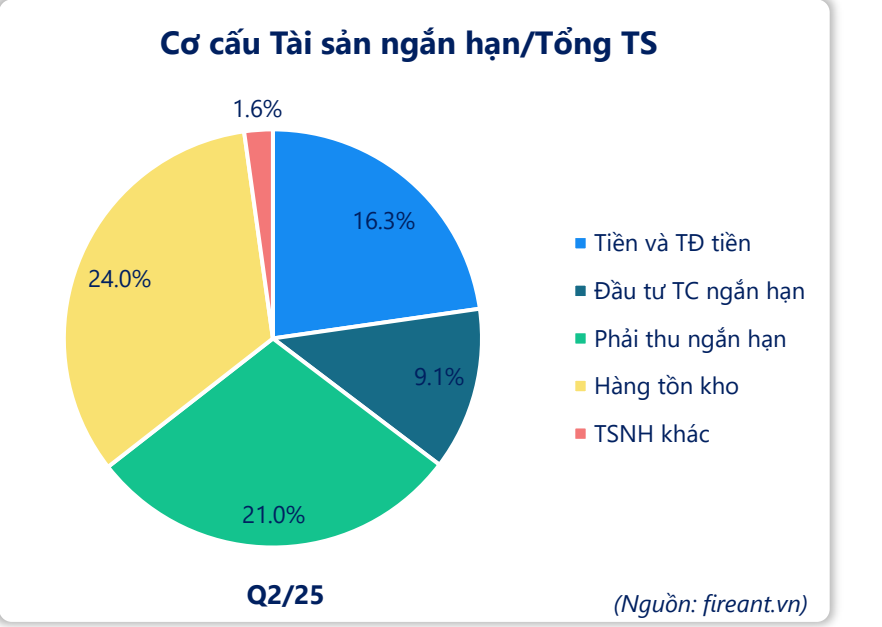
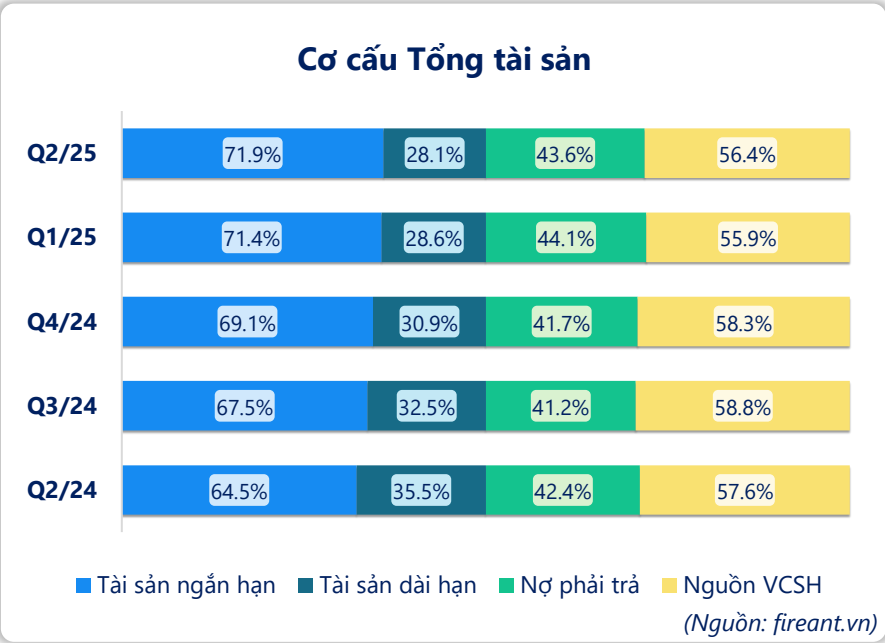
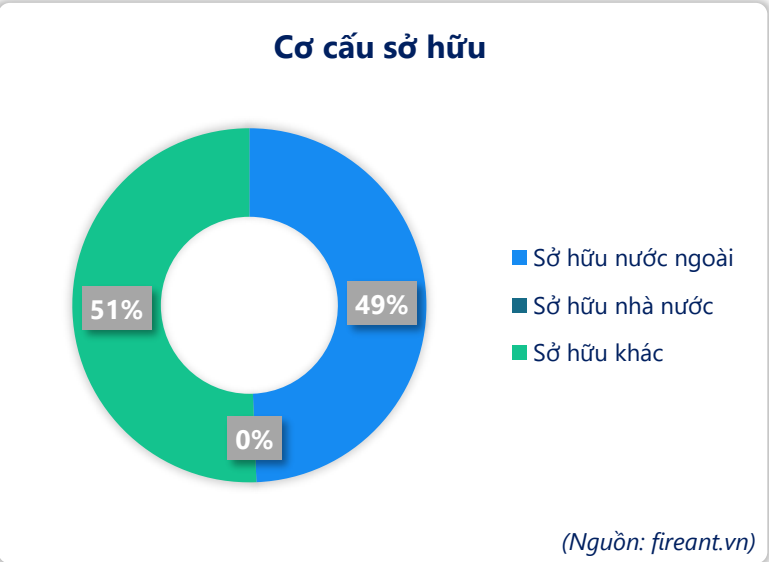
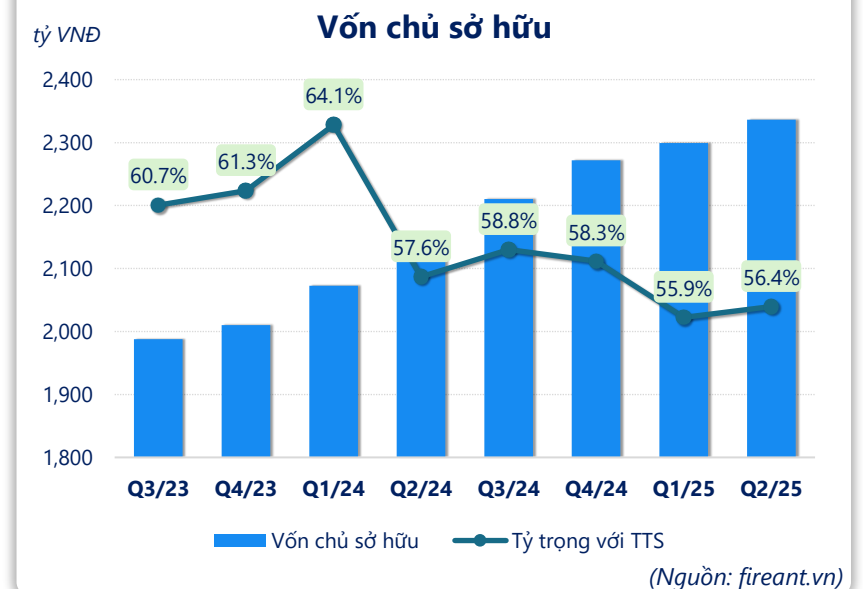
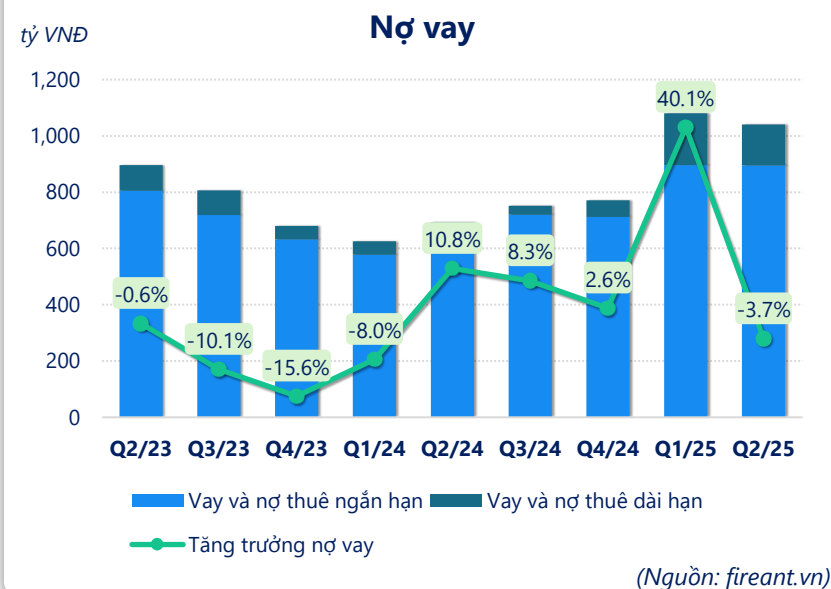
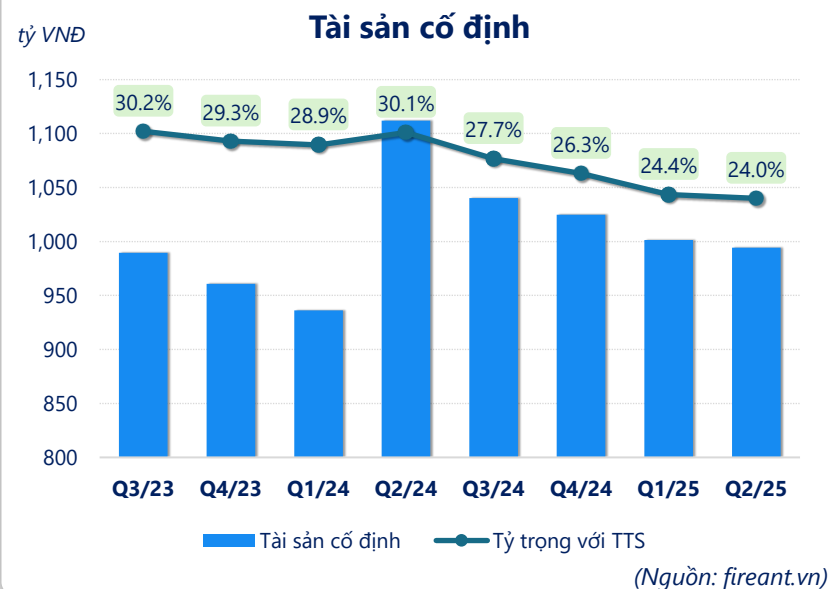
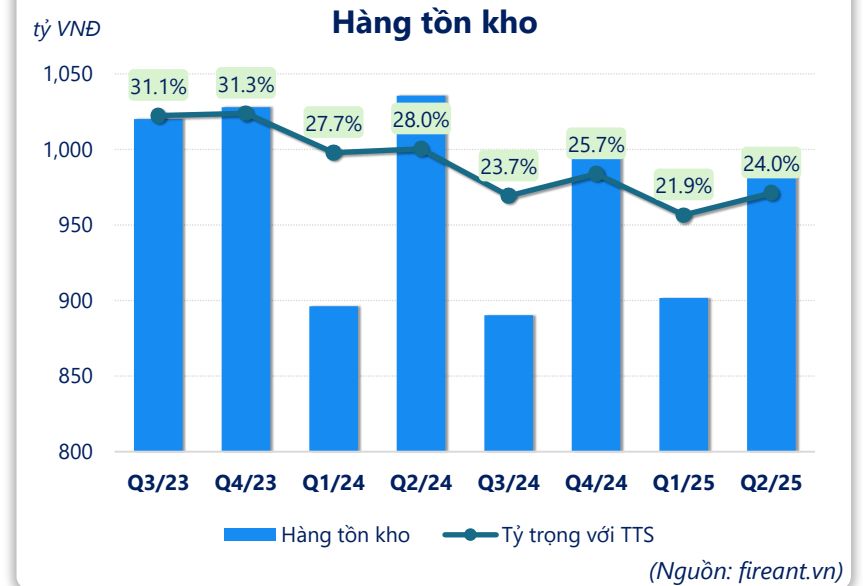
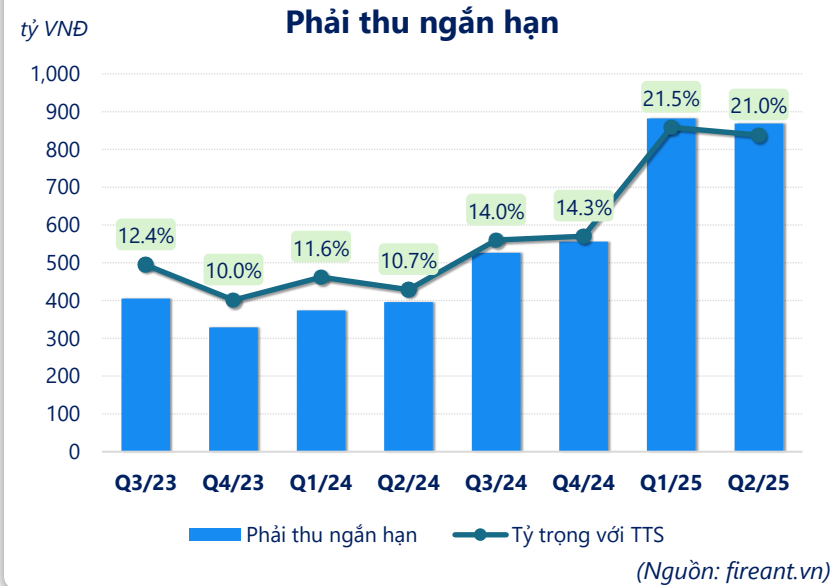
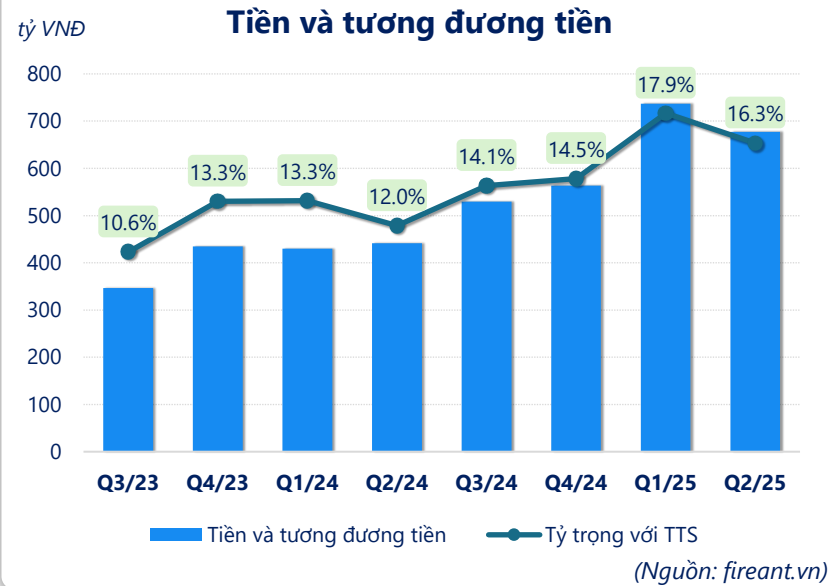
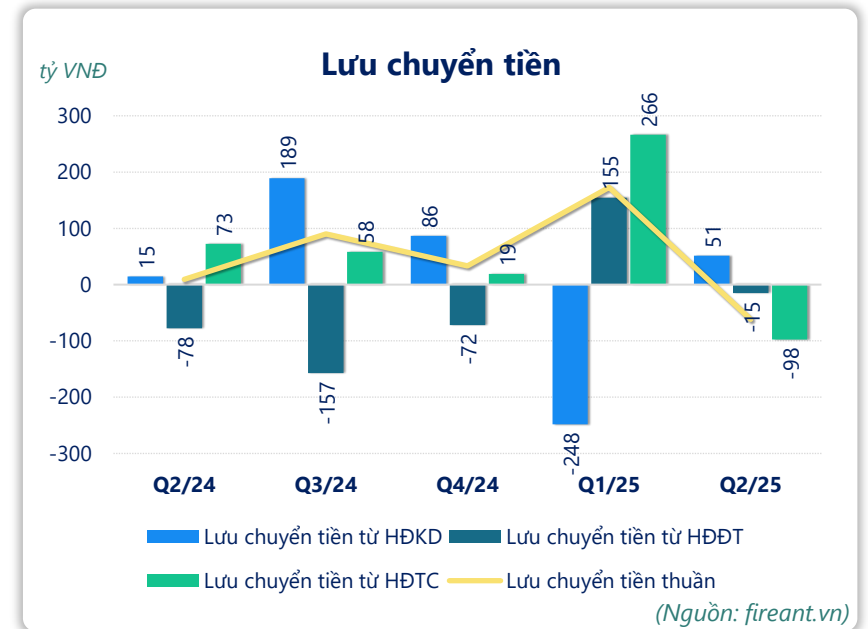
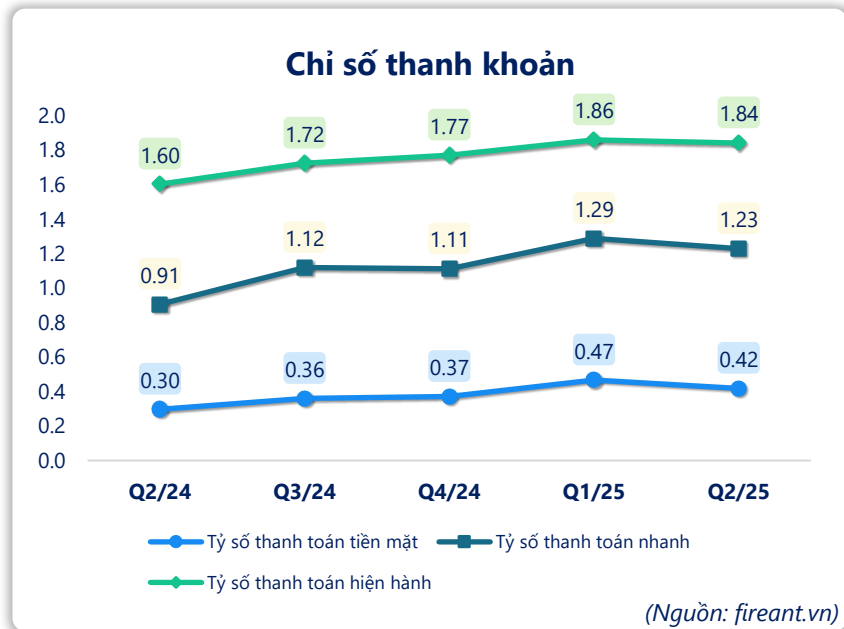
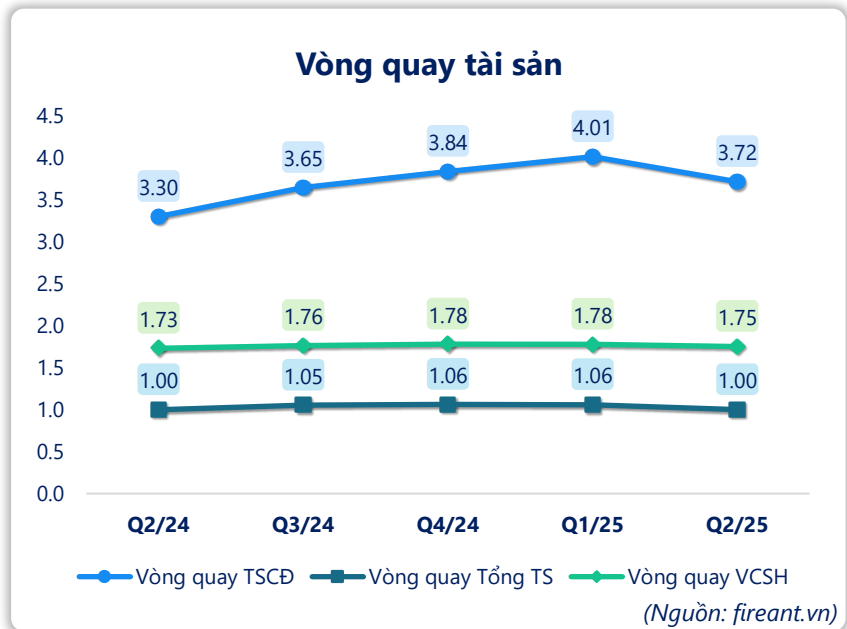
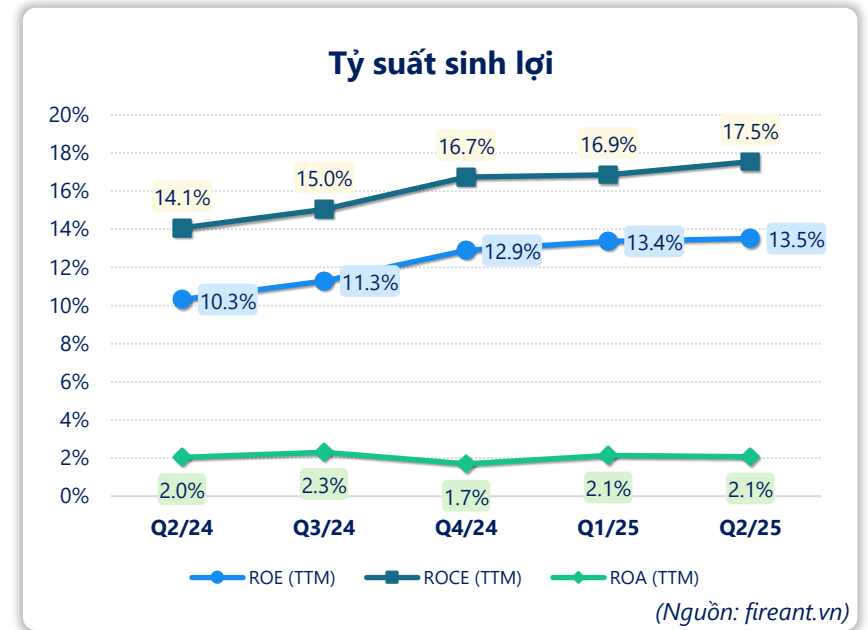
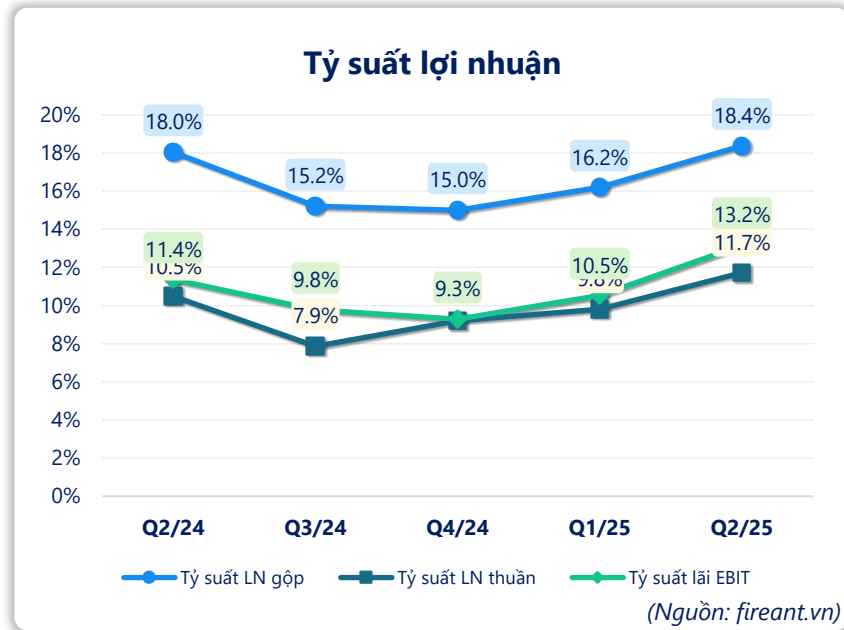
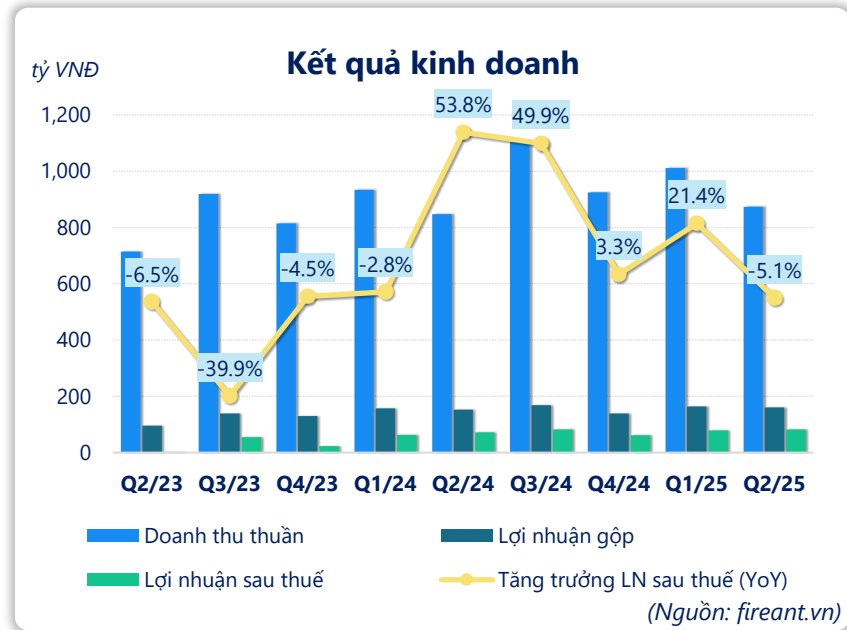


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,316
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,273
SL cổ phiếu LH		112,038,755
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,081,860
% sở hữu nước ngoài		49.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,552
P/E		11.8
EPS		2,693

	YTD	1T	3T	6T
TCM	-26.2%	4.6%	-4.9%	-26.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,144	3,896	6.4%
Tài sản ngắn hạn	2,979	2,690	10.8%
Tiền và tương đương tiền	677	563	20.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	375	533	-29.6%
Phải thu ngắn hạn	868	556	56.3%
Hàng tồn kho	993	1,003	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	65.7	35.2	86.5%
Tài sản dài hạn	1,164	1,205	-3.4%
Phải thu dài hạn	0.48	0.36	33.7%
Tài sản cố định	994	1,025	-3.0%
Bất động sản đầu tư	2.28	2.31	-1.5%
Tài sản dở dang	58.2	65.9	-11.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.81	4.81	0.0%
Tài sản dài hạn khác	104	107	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,807	1,624	11.3%
Nợ ngắn hạn	1,617	1,518	6.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	895	712	25.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	406	479	-15.1%
Nợ dài hạn	190	106	80.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	145	59.6	144%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,336	2,272	2.8%
Vốn chủ sở hữu	2,336	2,272	2.8%
Vốn điều lệ	1,121	1,020	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	847	1,105	925	1,011	873
Giá vốn hàng bán	694	937	786	847	713
Lợi nhuận gộp	153	168	139	164	160
Doanh thu HĐTC	24.7	16.2	26.1	23.9	26.5
Chi phí TC	9.49	22.4	13.9	15.1	19.5
Chi phí lãi vay	5.05	5.78	7.55	8.38	12.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.2	38.1	37.2	34.6	35.0
Chi phí QLDN	39.1	36.8	28.6	38.8	30.1
LN thuần từ HĐKD	88.7	86.9	85.1	99.1	102
Lợi nhuận khác	2.53	15.3	-6.77	-1.05	0.14
LN trước thuế	91.2	102	78.3	98.1	102
Lợi nhuận sau thuế	72.3	81.5	61.7	78.6	82.0
LNST của CĐ cty mẹ	71.9	81.1	60.9	78.3	81.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.7	189	86.5	-248	51.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.7	-157	-72.1	155	-15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	72.6	58.3	18.9	266	-97.6
Tiền đầu kỳ	430	442	530	563	737
Lưu chuyển tiền thuần	9.55	90.1	33.2	173	-61.7
Ảnh hưởng tỷ giá	2.16	-2.16	0.56	0.63	2.16
Tiền cuối kỳ	442	530	563	737	677

(Nguồn: fireant.vn)